

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 17/3/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung và nợ chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương T.
Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương
Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 17/3/2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLPT- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm
2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 59/2021/HNGĐ-ST ngày 27
tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2022/QĐ-PT
ngày 14 tháng 2 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số A, đường A, khóm A, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp;

Địa chỉ hiện nay: Khu dân cư A, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh
Đồng Tháp;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ
Thị Băng Giang – Văn phòng Luật sư Băng Giang, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh
Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số A, khóm A, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng
Tháp;

2. Bị đơn: Anh Phan Hữu T (Hữu T), sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số A, đường A, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Hữu H (tên thường gọi là Đ), sinh năm 1969;

3.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Số A, đường A Phủ, khóm Mỹ Trung, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

4. Người kháng cáo là chị Nguyễn Thị X là nguyên đơn trong vụ án.

(Chị X, ông H, bà T có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị X trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên chị Nguyễn Thị X với anh Phan Hữu T được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do UBND thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp số 47 ngày 19/4/2012. Thời gian đầu sống H phúc có 02 con chung. Nay không còn hòa hợp nhau trong quan điểm sống do anh T không quan tâm gia đình, không có trách nhiệm với vợ con nên phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn trầm trọng không giải quyết được thì tháng 7/2020, chị X về nhà cha mẹ ruột sinh sống, địa chỉ: Tổ 29, khu dân cư Kiểm Điền thuộc ấp 3, xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian xa nhau, cả hai không ai có ý hàn gắn mối quan hệ. Nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, nên chị Nguyễn Thị X yêu cầu ly hôn với anh Phan Hữu T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị X với anh Phan Hữu T có 02 con chung tên là Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 07/5/2011 và Phan Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 23/7/2012. Hiện nay cháu Nghĩa đang sống chung với anh T, cháu Ngân đang sống chung với chị X. Sau khi ly hôn chị X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngân, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị X đồng ý giao con chung là cháu Nghĩa cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị X không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Tuy nhiên, năm 2010 khi chị X về làm dâu thì chỉ có một mình chị cùng cha mẹ chồng lao động kiếm tiền. Vì chồng chị bị bệnh động kinh (nhưng trước khi cưới chị không biết vì được mai mối), nên cha mẹ chồng không cho anh T làm việc gì, chỉ ăn và chơi điện tử (vì cha mẹ chồng chị chỉ có một mình anh T là con). Chị đã góp công sức cho gia đình nhà chồng cụ thể như sau:

- Từ năm 2010 đến năm 2015 mua bán ăn uống giải khát từ 04 giờ sáng đến 17 giờ chiều.

- Từ năm 2015 đến năm 2020 mua bán nước giải khát từ 07 giờ sáng đến 23 giờ đêm và 14 giờ có bán thêm ăn uống đến 23 giờ đêm.

Năm 2010 khi chị X về làm dâu nhà chồng thì đồ đạc trong gia đình không có giá trị lớn.

Từ ngày chị về làm dâu, chị cùng cha mẹ chồng mua bán thì có mua sắm đồ mới trong nhà rất nhiều thứ như: Dụng cụ phục vụ cho việc ăn uống là thau, nồi, chén bát, 01 tủ đông lạnh dùng đồ ăn để bán, 01 tủ bán trà bí đao, 01 xe bán nước mía, 01 máy giặt, 01 máy lạnh, 01 xe ba gác và 01 xe máy hiệu Wave RS biển số 66N7-9886 do cha chồng là Phan Hữu H đứng tên chủ quyền (hiện nay cha chồng cho chị mượn chạy chớ không sang tên chủ quyền cho chị) và rất nhiều thứ lặt vặt khác chị không thể kê khai được hết.

Ngoài ra trong thời gian chị tiếp công sức với cha mẹ chồng mua bán thì cha mẹ chồng có tiền còn đầu tư vào cây trồng lâu năm khoảng hơn một công đất tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp và cha mẹ chồng cất nhà kiên cố năm 2017.

Nay chị X yêu cầu anh Phan Hữu T, cha mẹ chồng là ông Phan Hữu H và bà Trần Thị T phải trả công sức đóng góp của chị trong vòng 10 năm chị làm dâu trong gia đình mỗi tháng là 1.500.000 đồng, trong vòng 10 năm bằng số tiền là 180.000.000 đồng (chị X thay đổi yêu cầu khởi kiện, trong đơn khởi kiện chị X yêu cầu số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng, 10 năm là 240.000.000 đồng).

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

** Bị đơn anh Phan Hữu T trình bày:*

Anh T thống nhất lời trình bày của chị X về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn và có 2 con chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh T cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chị X cho rằng anh bị bệnh động kinh, lo chơi game là không có. Anh có bệnh, nhưng vẫn lo lắng phụ bán với gia đình, vẫn lo cho gia đình. Tuy nhiên, anh có bệnh nên không chạy xe chở vợ đi chơi được, nên vợ buồn phiền.... Vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì nhiều, chủ yếu bất đồng về quan điểm sống. Cho đến trước tết năm 2020 khoảng 3 tháng thì không hiểu vì lý do gì, chị X bỏ về nhà cha mẹ sinh sống. Hai bên gia đình cũng tìm cách hàn gắn nhưng không được. Do đó, anh cũng thống nhất thuận tình ly hôn với chị X.

- Về con chung: Anh T thừa nhận, hiện nay cháu Nghĩa đang sống chung với anh T, cháu Ngân đang sống chung với chị X. Anh T thống nhất khi ly hôn thì chị X được tiếp tục nuôi cháu Ngân, anh T tiếp tục nuôi cháu Nghĩa. Cả hai không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung và nợ chung.

Đối với yêu cầu của chị X yêu cầu anh T cùng với ông H, bà T trả tiền công sức đóng góp trong khối tài sản của gia đình thì anh không đồng ý. Vì các tài sản chị X trình bày đã được cha mẹ anh (ông H, bà T) mua từ trước khi cưới chị X. Chị X phụ mua bán trong gia đình, nhưng tất cả mọi sinh hoạt phí của cả gia đình anh đều do ba mẹ anh chi trả, chị X không có công sức đóng góp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phan Hữu H và bà Trần Thị T trình bày:*

Không thống nhất với yêu cầu của chị X. Bởi vì, chị X chung sống với gia đình của ông bà, có phụ mua bán nhưng trong khả năng của chị X vì chị X phải nuôi 2 con nhỏ, tất cả chi phí sinh hoạt hàng ngày của cả gia đình chị X gồm chị X, anh T và 2 con đều do ông bà chi trả. Từ năm 2015, ông bà đã tạo điều kiện cho chị X bán nước giải khát riêng, thu tiền riêng, nên chị X có tiền hùn vốn với tổ phụ nữ (có xác nhận của Tổ phụ nữ) và có tiền để cho vay (khi chị X đi thì có để lại quyển tập có ghi số tiền cho vay như: Chị 2 5 triệu 1 chỉ vàng, chị 3 7 chỉ vàng...), nhưng chi phí sinh hoạt của gia đình chị X thì ông bà lo hết (ông H, bà T không yêu cầu đối với các số tiền chị X cho vay riêng, chỉ nêu ra để chứng minh chị ở chung gia đình chồng, nhưng có thu nhập riêng, không phải không có tiền như chị X trình bày). Những tài sản của ông bà đều tạo ra trước khi cưới chị X, phần đất cây lâu năm ở xã Mỹ Thọ do ông bà của ông H cho, không có trồng cây gì có giá trị lớn, chỉ khoảng 2-3 năm nay có trồng một số cây cà na, măng cầu, dừa....mới cho trái, nhưng giá trị không cao, chỉ có năm 2017 thì có sửa nhà lại làm thêm gác lửng bằng khung sắt, lót tấm cemboard, tường gạch, lợp tol trên căn nhà đang ở tại phường Mỹ Phú, nhưng ông H cũng phải vay tiền ngân hàng, quán ăn gia đình chỉ đủ lo sinh hoạt chi tiêu trong gia đình, ông phải chạy xe ba gác thuê để có tiền trả nợ ngân hàng. Ông H, bà T cho rằng chị X không có công sức đóng góp gì nên không đồng ý với yêu cầu của chị X.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm số 59/2021/HNGĐ -ST ngày 27/10/2021, Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phan Hữu T.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phan Hữu T. Giao cháu Phan Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 23/7/2012 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 07/5/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị X và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu của chị X về việc yêu cầu anh T, ông H, bà T chia công sức đóng góp vào khối tài sản trong gia đình chồng trong thời gian chị làm dâu.

5/ Buộc anh T, ông H, bà T liên đới chia cho chị X số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

6/ Về án phí:

- Chị X phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tài sản, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.300.000 đồng (*sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015446 ngày 04/5/2021 và 0015447 ngày 04/5/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền 275.000 đồng.

- Anh T phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Anh T, ông H, bà T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm về tài sản là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/11/2021, chị Nguyễn Thị X kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo của chị. Buộc anh T, ông H, bà T trả cho tôi số tiền công sức đóng góp trong 10 năm với số tiền là 180.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu về tổ tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tổ tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự; về

nội dung, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị và anh Phan Hữu T (Hữu T) kết hôn vào năm 2010 và cũng từ thời gian đó làm dâu nhà ông H, bà T trong khoảng thời gian 10 năm. Hằng ngày vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình chồng, mọi việc chi tiêu trong gia đình là do ông H, bà T quyết định do đó chị yêu cầu ông H, bà T cùng anh T phải trả công sức cho chị là 180.000.000 đồng. Còn ông H, bà T, anh T thì cho rằng chị về làm dâu không có đóng góp công sức gì nhiều, việc mua bán của gia đình là có thuê người bán vì chị X còn phải chăm sóc 02 đứa con của mình nên chỉ phụ bán tiếp chút ít thôi. Còn các tài sản trong gia đình là đều có trước khi chị X về nhưng có số như tủ lạnh, máy giặt ... đã cũ nên có mua cái mới, còn sửa nhà là ông H, bà T vay tiền ngân hàng sửa chữa. Năm 2015 thì ông, bà có cho chị X bán nước giải khát tại quán nhà để thu tiền riêng nên chị X mới có tiền cho vay và hùn vốn với tổ phụ nữ. Xét thấy khi chị X về làm dâu nhà ông H, bà T trong khoảng thời gian này thì cũng không có tạo lập được tài sản gì lớn, việc chi phí sinh hoạt hàng ngày thì do ông H, bà T chi trả nhưng xét thấy sau khi ly hôn chị gặp nhiều khó khăn, phải một mình nuôi con nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận chi cho chị một phần công sức đóng góp buộc bà T, ông H, anh T chia cho chị số tiền 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị X cũng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị X trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chia cho chị X số tiền 50.000.000 đồng là ít vì thời gian làm dâu trong 10 năm nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho chị số tiền là 180.000.000 đồng. Xét lời trình bày của luật sư là chưa có cơ sở nên không chấp nhận.

3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị X giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[6] Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên chị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 55, 61, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị X.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 59/2021/HNGĐ-ST ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phan Hữu T.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phan Hữu T. Giao cháu Phan Ngọc Kim Ngân, sinh ngày 23/7/2012 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Phan Trọng Nghĩa, sinh ngày 07/5/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị X và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị X và anh T thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu của chị X về việc yêu cầu anh T, ông H, bà T chia công sức đóng góp vào khối tài sản trong gia đình chồng trong thời gian chị làm dâu.

5/ Buộc anh T, ông H, bà T liên đới chia cho chị X số tiền 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

6/ Về án phí:

- Chị X phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 6.500.000 đồng (*sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tài sản, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.300.000 đồng (*sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015446 ngày 04/5/2021 và 0015447 ngày 04/5/2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Chị X còn phải nộp tiếp số tiền 275.000 đồng.

- Anh T phải chịu 75.000 đồng (*bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

- Anh T, ông H, bà T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm về tài sản là 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005104 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS thành phố Cao Lãnh;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

Nguyễn Huỳnh Thị Hương T